TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Như Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ.

2. Bà Đoàn Thị Bích Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 510/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Số nhà 70 đường C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn M qua tìm hiểu tự nguyện đến với nhau có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đánh đập chị. Hai bên gia

đình đã nhiều lần khuyên can anh M nhưng anh M vẫn không thay đổi. Do vậy, chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh M vẫn không thay đổi tính tình, không có trách nhiệm lo cho vợ con, ngoài ra cả hai bên cũng không ai muốn níu kéo để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh M nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- *Về con chung:* Chị và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung là cháu Nguyễn TrầnVân A, sinh ngày 17/7/2005. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháuVân A có nguyện vọng muốn được sống cùng anh M và anh M cũng có nguyện vọng muốn nuôi con nên chị thay đổi yêu cầu, chị đồng ý giao cháu Nguyễn TrầnVân A cho anh Nguyễn Văn M chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do thu nhập của chị không ổn định nên chị không có khả năng cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:* Chị và anh Nguyễn Văn M không có tài sản chung và nghĩa vụ chung.

Ngoài ra chị Trần Thị T không yêu cầu gì.

2. Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 28 tháng 9 năm 2017, bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và cô Trần Thị T kết hôn năm 2004, côT đã bỏ nhà đi từ năm 2010 đến nay. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị T

- *Về con chung:* Anh và chị Trần Thị T có 01 con chung là cháu Nguyễn TrầnVân A, sinh ngày 17/7/2005. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh để cô T tự nguyện, cô T muốn cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bao nhiêu là tùy.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:* Không có.

Ngoài ra anh Nguyễn Văn M không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Nguyễn Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn M đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn M. Anh Nguyễn Văn M có ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị T. Như vậy, mâu thuẫn giữa chịT và anh M là có thật nhưng cả hai người không có

biện pháp gì để cải thiện, theo chị T khai thì chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai bên không ai muốn níu kéo để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, vợ chồng chị T và anh M đã không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Trần Thị T về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn M là có căn cứ, được chấp nhận và cũng phù hợp với yêu cầu của anh Nguyễn Văn M đồng ý ly hôn với chị Trần Thị T.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung là cháu Nguyễn TrầnVân A, sinh ngày 17/7/2005.

Xét thấy, tại phiên tòa chị Trần Thị T thay đổi yêu cầu, chị T đồng ý giao con Nguyễn TrầnVân A cho anh Nguyễn Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện của chị T, không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của anh Nguyễn Văn M muốn được nuôi con và nguyện vọng của cháuVân A muốn được sống chung với cha. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T, giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn TrầnVân A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T cho rằng do thu nhập của chị không ổn định nên chị không có khả năng cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh Nguyễn Văn M có ý kiến, anh để cô T tự nguyện muốn cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bao nhiêu là tùy. Như vậy, cả chị T và anh M đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn M không có tài sản chung và nghĩa vụ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10, 28, 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn TrầnVân A, sinh ngày 17/7/2005 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ***(Ba trăm ngàn đồng)***, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003464 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Như Phượng